

# CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Tầng 7 số 45 phố Triệu Việt Vương, Phường Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2019

**Tổng Giám đốc**



**Vũ Thanh Hải**

**Phụ trách kế toán**



**Trần Thị Thanh Hảo**

*Hà Nội, tháng 10 năm 2019*

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>367.165.439.847</b>	<b>353.263.018.581</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>169.678.403.574</b>	<b>184.928.446.586</b>
1. Tiền	111		61.718.976.917	54.738.417.482
2. Các khoản tương đương tiền	112		107.959.426.657	130.190.029.104
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>13.500.000.000</b>	<b>13.500.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	13.500.000.000	13.500.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>144.432.359.235</b>	<b>113.538.431.908</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	34.000.549.898	30.013.968.207
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2.622.986.687	953.864.462
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	107.973.656.262	82.735.432.851
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(164.833.612)	(164.833.612)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>20.014.729.186</b>	<b>20.208.196.789</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.8	20.014.729.186	20.208.196.789
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>19.539.947.852</b>	<b>21.087.943.298</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	3.145.302.466	626.423.955
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		16.394.645.386	20.461.519.343
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>832.337.598.236</b>	<b>754.794.924.703</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>45.000.000.000</b>	<b>46.713.470.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	45.000.000.000	46.713.470.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>523.335.017.615</b>	<b>440.706.178.144</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	519.934.353.031	436.808.596.443
<i>Nguyên giá</i>	222		866.517.834.896	734.585.949.049
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(346.583.481.865)	(297.777.352.606)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	3.400.664.584	3.897.581.701
<i>Nguyên giá</i>	228		6.541.325.236	6.541.325.236
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(3.140.660.652)	(2.643.743.535)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>90.454.545</b>	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	90.454.545	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2b</b>	<b>263.481.933.775</b>	<b>266.696.649.411</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		270.622.700.000	270.622.700.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.494.000.000	1.200.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		866.500	866.500
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(8.635.632.725)	(5.126.917.089)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>430.192.301</b>	<b>678.627.148</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	430.192.301	678.627.148
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.199.503.038.083</b>	<b>1.108.057.943.284</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

#### Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>288.157.990.501</b>	<b>203.296.216.739</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>128.653.869.082</b>	<b>106.180.462.071</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	17.512.342.218	14.102.010.865
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	85.764.150	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	6.704.596.496	2.212.019.256
4. Phải trả người lao động	314		3.585.755.412	7.669.002.603
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	1.207.347.881	848.054.540
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	-	676.878.538
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	33.116.923.381	27.002.098.136
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	46.548.219.897	34.575.735.486
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	19.892.919.647	19.094.662.647
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>159.504.121.419</b>	<b>97.115.754.668</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		35.000.000.000	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	124.504.121.419	97.115.754.668
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>911.345.047.582</b>	<b>904.761.726.545</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.21</b>	<b>911.345.047.582</b>	<b>904.761.726.545</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		487.827.510.000	487.827.510.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		487.827.510.000	487.827.510.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		115.606.612.922	115.606.612.922
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(14.920.919.678)	(14.920.919.678)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		206.901.070.809	179.564.070.809
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		115.930.773.529	136.684.452.492
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		27.464.905.492	136.684.452.492
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		88.465.868.037	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.199.503.038.083</b>	<b>1.108.057.943.284</b>

Lập, ngày 29 tháng 10 năm 2019

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hảo

Phụ trách kế toán

Trần Thị Thanh Hảo

Tổng Giám đốc

Vũ Thanh Hải

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

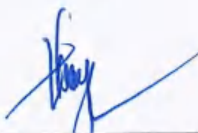
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

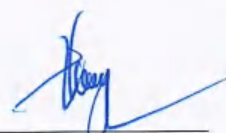
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	T. minh	Quý 3 năm nay	Quý 3 năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
					Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	139.768.003.805	106.869.603.886	400.085.136.678	341.565.107.068
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		139.768.003.805	106.869.603.886	400.085.136.678	341.565.107.068
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	111.196.699.429	83.314.366.064	302.480.345.695	258.564.346.131
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		28.571.304.376	23.555.237.822	97.604.790.983	83.000.760.937
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.202.773.857	3.993.800.601	25.610.103.420	11.570.514.926
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.208.662.283	1.212.225.964	9.971.898.184	4.841.004.549
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.366.153.899	752.502.850	6.221.813.109	2.579.896.833
8. Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	5.378.871.500	5.635.113.065	16.339.984.245	16.783.817.276
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		23.186.544.450	20.701.699.394	96.903.011.974	72.946.454.038
11. Thu nhập khác	31	VI.6	637.530.649	59.629.976	1.781.729.914	16.614.654.154
12. Chi phí khác	32	VI.7	63.748.492	26.014.568	68.554.030	192.068.300
13. Lợi nhuận khác	40		573.782.157	33.615.408	1.713.175.884	16.422.585.854
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		23.760.326.607	20.735.314.802	98.616.187.858	89.369.039.892
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		2.639.155.626	2.252.637.607	10.150.319.821	10.777.843.498
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		21.121.170.981	18.482.677.195	88.465.868.037	78.591.196.394

Người lập biểu

  
 Trần Thị Thanh Hào

Phụ trách kế toán

  
 Trần Thị Thanh Hào

Lập, ngày 29 tháng 10 năm 2019

Tổng Giám đốc



Vũ Thành Hải

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		98.616.187.858	89.369.039.892
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		52.674.241.410	35.536.953.024
- Các khoản dự phòng	03		3.508.715.636	1.410.696.083
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		153.839.764	316.754.999
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(25.372.865.489)	(26.329.195.990)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	6.221.813.109	2.579.896.833
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		135.801.932.288	102.884.144.841
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(28.068.644.495)	(92.085.851.267)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		193.467.603	(17.970.069.728)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		37.451.990.004	(18.931.183.528)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.487.437.143)	5.827.242.418
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(4.585.243.517)	(2.615.276.563)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(4.587.486.005)	(9.725.606.078)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.20	(8.769.743.000)	(4.877.695.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>125.948.835.735</b>	<b>(37.494.294.905)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.12	(132.805.346.913)	(30.304.334.791)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		631.818.182	115.045.028.260
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	45.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2	(294.000.000)	(71.580.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		24.320.673.352	18.137.976.114
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(108.146.855.379)</b>	<b>76.298.669.583</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Năm nay	Năm trước
	số	minh		
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.21	-	199.632.562.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	81.439.087.321	24.727.670.759
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(42.140.839.929)	(34.858.516.338)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.21	(72.314.547.000)	(33.934.765.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(33.016.299.608)</b>	<b>155.566.951.421</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(15.214.319.252)</b>	<b>194.371.326.099</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>184.928.446.586</b>	<b>114.378.534.552</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(35.723.760)	255.738.703
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>169.678.403.574</b>	<b>309.005.599.354</b>

Lập, ngày 29 tháng 10 năm 2019

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hào

Phụ trách kế toán

Trần Thị Thanh Hào

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

##### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

##### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

##### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Cho thuê bãi, bốc xếp hàng hóa cảng biển, vận tải biển.

##### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

##### 5. Cấu trúc Công ty

*Các Công ty con*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Cảng Hải An	Tầng 1, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Cung cấp dịch vụ cảng biển	100%	100%	100%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ vận tải	50,5%	50,5%	50,5%
Công ty TNHH Pan Hải An	Tầng 6, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ khai thác Depot	51%	51%	51%

##### *Công ty liên kết*

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An có trụ sở chính tại phòng 502 tầng 5, tòa nhà 133 Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 40%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

##### *Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc*

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	Số 217 Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An tại Bà Rịa – Vũng Tàu	Khu A, lô 17 khu nhà ở Phú Mỹ, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### **6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

### **7. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 70 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 76 nhân viên).

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **2. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

### **3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### **4. Các khoản đầu tư tài chính**

#### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### ***Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết***

##### ***Công ty con***

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

##### ***Công ty liên kết***

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

##### ***Ghi nhận ban đầu***

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

##### ***Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết***

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## **5. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### **6. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là nguyên vật liệu được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Riêng đối với nhiên liệu xuất dùng cho tàu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền từng lần nhập xuất.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### **7. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản và chi phí lên đà tàu. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

##### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

##### ***Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu***

Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

#### **8. Tài sản thuê hoạt động**

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### **9. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5-20
Máy móc và thiết bị	5-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-5
Tài sản cố định khác	4-10

#### 10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 35 năm.

##### ***Chương trình phần mềm máy tính***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 3 đến 5 năm.

#### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

## **12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh**

### ***Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát***

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính giữa niên độ các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

## **13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

## **14. Vốn chủ sở hữu**

### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### ***Cổ phiếu quỹ***

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### **15. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### **16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### **17. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

### **18. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### 20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### 21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	2.132.811.724	572.975.912
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	59.586.165.193	54.165.441.570
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	107.959.426.657	130.190.029.104
<b>Cộng</b>	<b>169.678.403.574</b>	<b>184.928.446.586</b>

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

#### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng.

#### 2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>270.622.700.000</b>	<b>(8.635.632.725)</b>	<b>270.622.700.000</b>	<b>(5.126.917.089)</b>
Công ty TNHH Cảng Hải An <sup>(i)</sup>	30.000.000.000		30.000.000.000	
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An <sup>(ii)</sup>	101.000.000.000		101.000.000.000	

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Pan Hải An <sup>(iii)</sup>	139.622.700.000	(8.635.632.725)	139.622.700.000	(5.126.917.089)
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>1.494.000.000</b>		<b>1.200.000.000</b>	
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An <sup>(iv)</sup>	1.494.000.000		1.200.000.000	
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>866.500</b>		<b>866.500</b>	
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	864.000		864.000	
Công ty Cổ phần MHC	2.500		2.500	
<b>Cộng</b>	<b>272.117.566.500</b>	<b>(8.635.632.725)</b>	<b>271.823.566.500</b>	<b>(5.126.917.089)</b>

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101126468 ngày 13 tháng 10 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Hải An là 30.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ theo đăng ký.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Hai thành viên trở lên số 0201655535 ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Vận tải Container Hải An số tiền 101.000.000.000 VND, tương ứng 50,5% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ theo đăng ký.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201815115 ngày 20 tháng 10 năm 2017, thay đổi lần 2 ngày 21 tháng 12 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Pan Hải An 139.622.700.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn theo đăng ký.

(iv) Theo Nghị quyết số 0310-2018/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 10 năm 2018 của Hội đồng quản trị, Công ty đầu tư thêm 29.400 cổ phần Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An (GNVTHA) (số cổ phần được phân bổ cho cổ đông hiện hữu), trong kỳ Công ty đã mua 29.400 cổ phần GNVTHA với giá 294.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty sở hữu 149.400 cổ phần GNVTHA, chiếm 36,89% vốn điều lệ.

### Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

### Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên kết

Các công ty con và công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

### Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	5.126.917.089	
Trích lập dự phòng bổ sung	3.508.715.636	1.410.696.083
Hoàn nhập dự phòng		
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>8.635.632.725</b>	<b>1.410.696.083</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

*Giao dịch với các công ty con và công ty liên kết*

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty TNHH Cảng Hải An (HAP)</b>		
Doanh thu khai thác cảng HAP thu hộ	150.054.147.707	153.055.589.810
Phí quản lý cảng phải trả cho HAP	26.421.868.865	30.715.501.828
Lợi nhuận được chia từ HAP	3.439.877.639	5.223.586.224
<b>Công ty TNHH Vận tải Container Hải An (HACT)</b>		
Thu tiền gốc cho vay từ HACT		45.000.000.000
Thu tiền lãi cho vay từ HACT		912.671.232
Cung cấp dịch vụ cho HACT	73.017.687.809	34.695.744.588
Mua hệ phần mềm cho HACT		
Chi hộ HACT	889.118.675	
HACT cung cấp dịch vụ khai thác tàu		897.200.000
HACT cung cấp dịch vụ cho Công ty mẹ	11.462.257.500	9.800.798.200
HACT góp vốn theo hợp đồng BCC	10.000.000.000	
HACT phân chia lãi BCC năm 2018	7.774.998.895	
HACT phân chia lợi nhuận năm 2018	15.150.000.000	
<b>Công ty TNHH Pan Hải An (Pan Hải An)</b>		
Góp vốn vào Pan Hải An		70.380.000.000
Pan cung cấp dịch vụ cho hoạt động cảng	2.494.757.217	
HATS cung cấp dịch vụ cho Pan Hải An	787.324.652	
<b>Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An (HAFC)</b>		
Chuyển tiền góp vốn cho HAFC	294.000.000	1.200.000.000
Cung cấp dịch vụ vận tải đường bộ cho HAFC	281.440.946	96.854.545
HAFC góp vốn theo hợp đồng BCC	5.000.000.000	

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>26.483.321.281</b>	<b>18.451.737.993</b>
Công ty TNHH Cảng Hải An	3.266.910.360	1.201.159.993
Công ty TNHH Vận tải container Hải An	22.196.164.210	16.257.872.689
Công ty TNHH Pan Hải An		140.728.284
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	270.325.400	470.290.100
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Hải An		
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	309.585.041	106.540.000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức	1.742.400	3.300.000
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	438.593.870	271.846.927
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>7.517.228.617</b>	<b>11.562.230.214</b>
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	1.609.650.750	279.438.311
Công ty Cổ phần Quốc tế Tico	481.211.529	3.719.043.402

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

YANG MING MARINE TRANSPORT CORP	4.523.448.655	
Các khách hàng khác	902.917.683	7.563.748.501
<b>Cộng</b>	<b>34.000.549.898</b>	<b>30.013.968.207</b>

#### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<b>2.622.986.687</b>	<b>667.755.829</b>
Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng Hải Miền Bắc	239.222.508	239.222.508
Trung tâm Quan trắc Môi trường	68.000.000	68.000.000
Cảng vụ hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh	74.845.615	360.533.321
WARTSILA WATER SYSTEMS LIMITED	1.136.372.466	
Các nhà cung cấp khác	1.104.546.098	286.108.633
<b>Cộng</b>	<b>2.622.986.687</b>	<b>953.864.462</b>

#### 5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

##### 5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<b>11.263.489.986</b>	<b>11.467.217.565</b>
Công ty TNHH Cảng Hải An – Lợi nhuận phải thu	3.517.342.401	3.577.464.762
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An – Kết quả hoạt động BCC	7.746.147.585	7.774.988.895
Các khoản chi hộ HACT		114.763.908
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>96.710.166.276</b>	<b>71.268.215.286</b>
Lãi tiền gửi dự thu	817.535.474	337.039.158
Đặt cọc để chuyển nhượng dự án (*)	92.763.292.500	70.000.000.000
Ký cược, ký quỹ	2.097.861.047	347.872.836
Tạm ứng	824.349.000	555.240.156
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	207.128.255	28.063.136
<b>Cộng</b>	<b>107.973.656.262</b>	<b>82.735.432.851</b>

(\*) Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 01B10-2017/NQ-HĐQT ngày 05 tháng 12 năm 2017, Công ty đã đặt cọc số tiền 92.763.292.500 VND để tiến tới ký kết hợp đồng nhận chuyển nhượng 90% quyền đầu tư Dự án “Bãi container và dịch vụ cảng” tại xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

##### 5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<b>45.000.000.000</b>		<b>45.000.000.000</b>	
Công ty TNHH Vận tải container Hải An - Tiền góp vốn hợp tác kinh doanh BCC (*)	45.000.000.000		45.000.000.000	
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>			<b>1.713.470.000</b>	
Ký cược, ký quỹ			1.713.470.000	
<b>Cộng</b>	<b>45.000.000.000</b>		<b>46.713.470.000</b>	

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- (\*) Phải thu Công ty TNHH Vận tải Container Hải An (“Bên kiểm soát”) về vốn hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 48/HĐHTKD ngày 18 tháng 4 năm 2017 về hợp tác góp vốn đầu tư, kinh doanh và khai thác đội tàu Container. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu cho hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành.

Tỷ lệ góp vốn của các bên theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>	<u>Tỷ Lệ %</u>
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	45.000.000.000	56,25%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	10.000.000.000	12,50%
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	10.000.000.000	12,50%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000.000.000	12,50%
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	5.000.000.000	6,25%
<b>Cộng</b>	<b><u>80.000.000.000</u></b>	<b><u>100,00%</u></b>

## 6. Nợ xấu

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Công ty TNHH Vận tải Hưng Thịnh – phải thu cung cấp dịch vụ	Trên 3 năm	65.089.486	(65.089.486)	3 năm	65.089.486	(65.089.486)
Công ty TNHH Vận tải Thương mại Hoàng Gia – phải thu cung cấp dịch vụ	Trên 3 năm	99.744.126	(99.744.126)	3 năm	99.744.126	(99.744.126)
<b>Cộng</b>		<b><u>164.833.612</u></b>	<b><u>(164.833.612)</u></b>		<b><u>164.833.612</u></b>	<b><u>(164.833.612)</u></b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	164.833.612	214.833.612
Hoàn nhập dự phòng		
Giảm khác		(50.000.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>164.833.612</u></b>	<b><u>164.833.612</u></b>

## 7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	19.982.429.186	20.125.311.334
Công cụ, dụng cụ	32.300.000	82.885.455
<b>Cộng</b>	<b><u>20.014.729.186</u></b>	<b><u>20.208.196.789</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

##### 8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm chờ phân bổ	798.862.425	417.214.670
Nạo vét	1.420.252.206	
Phí đường bộ	78.414.830	120.707.085
Chi phí thuê văn phòng	145.000.000	84.102.200
Dầu nhờn	702.773.005	
Chi phí trả trước ngắn hạn khác		4.400.000
<b>Cộng</b>	<b>3.145.302.466</b>	<b>626.423.955</b>

##### 8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa văn phòng	102.837.501	
Công cụ dụng cụ	228.097.154	424.088.254
Bản quyền phần mềm	99.257.646	254.538.894
<b>Cộng</b>	<b>430.192.301</b>	<b>678.627.148</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	202.091.011.915	273.194.241.973	237.649.750.261	729.574.546	20.921.370.354	734.585.949.049
Mua trong kỳ		131.590.182	134.050.049.182	46.363.636		134.228.003.000
Thanh lý, nhượng bán			(2.296.117.153)			(2.296.117.153)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>202.091.011.915</b>	<b>273.325.832.155</b>	<b>369.403.682.290</b>	<b>775.938.182</b>	<b>20.921.370.354</b>	<b>866.517.834.896</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>						-
Số đầu năm	106.849.871.554	176.046.114.833	10.335.180.032	337.828.811	4.208.357.376	297.777.352.606
Lũy kế khấu hao từ đầu năm đến cuối kỳ	8.659.167.293	21.366.023.073	19.379.958.148	119.276.380	1.577.821.518	51.102.246.412
Thanh lý, nhượng bán			(2.296.117.153)			(2.296.117.153)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>115.509.038.847</b>	<b>197.412.137.906</b>	<b>27.419.021.027</b>	<b>457.105.191</b>	<b>5.786.178.894</b>	<b>346.583.481.865</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						-
Số đầu năm	95.241.140.361	97.148.127.140	227.314.570.229	391.745.735	16.713.012.978	436.808.596.443
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>86.581.973.068</b>	<b>75.913.694.249</b>	<b>341.984.661.263</b>	<b>318.832.991</b>	<b>15.135.191.460</b>	<b>519.934.353.031</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	4.945.015.236	1.596.310.000	6.541.325.236
Mua trong kỳ			-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>4.945.015.236</b>	<b>1.596.310.000</b>	<b>6.541.325.236</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	2.108.931.861	534.811.674	2.643.743.535
Khấu hao trong kỳ	105.964.614	390.952.503	496.917.117
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2.214.896.475</b>	<b>925.764.177</b>	<b>3.140.660.652</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	2.836.083.375	1.061.498.326	3.897.581.701
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2.730.118.761</b>	<b>670.545.823</b>	<b>3.400.664.584</b>

#### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định		134.833.055.703	(134.050.049.182)	(783.006.521)	-
Xây dựng cơ bản dở dang		90.454.545			90.454.545
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>134.923.510.248</b>	<b>(134.050.049.182)</b>	<b>(783.006.521)</b>	<b>90.454.545</b>

#### 12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>2.158.352.064</b>	<b>1.141.434.751</b>
Công ty TNHH Pan Hải An	1.091.216.132	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	114.348.289	93.164.685
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Hải An	952.787.643	1.041.662.731
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức		6.607.335
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>15.353.990.154</b>	<b>12.960.576.114</b>
Công ty Cổ phần Cung ứng thuyền viên Đông Đô	1.026.784.898	
Triton Container International Limited-Colle	2.105.854.951	2.137.259.433
Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải Hải Phòng	821.427.570	1.448.155.460
CN Công ty cổ phần phát triển hàng hải tại thành phố Hồ Chí Minh	944.831.582	579.977.010
Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Vosco	1.252.136.931	
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HẢI HẢI AN	1.088.080.200	1.061.906.308
Các nhà cung cấp khác	9.141.658.920	7.733.277.903



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cộng	17.512.342.218	14.102.010.865
<b>13. Người mua trả tiền trước</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	85.764.150	-
Chi nhánh Công ty TNHH dịch vụ vận tải hàng hải Ngôi Sao Việt Nam tại TP. Hải Phòng	83.844.150	
Người mua khác	1.920.000	
<b>Cộng</b>	<b>85.764.150</b>	<b>-</b>

### 14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Giảm khác trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	3.421.212.974	(3.027.468.067)	(285.642.548)	108.102.359
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	34.000.997	(34.000.997)		-
Thuế xuất, nhập khẩu	-				-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	558.702.244	8.311.817.828	(4.587.486.005)		4.283.034.067
Thuế thu nhập cá nhân	1.653.317.012	4.039.328.990	(4.247.351.837)		1.445.294.165
Tiền thuê đất	-	1.777.640.083	(909.474.178)		868.165.905
Các loại thuế khác	-	5.000.000	(5.000.000)		-
<b>Cộng</b>	<b>2.212.019.256</b>	<b>17.589.000.872</b>	<b>(12.810.781.084)</b>	<b>(285.642.548)</b>	<b>6.704.596.496</b>

#### **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Xếp dỡ cho các tàu nước ngoài, cước biển, cước cho thuê tàu chạy tuyến nước ngoài	0%
Cung cấp nước ngọt	5%
Các hoạt động vận tải, xếp dỡ khác	10%

#### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Hoạt động khai thác cảng của Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) từ năm đầu doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (năm 2011) theo Điểm 3 phần B, điểm 1.3 và điểm 6 mục II phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thời hạn ưu đãi: Miễn thuế TNDN 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2011 theo Điểm 1.3 Mục III Phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Quý 3 năm nay</u>	<u>Quý 3 năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	23.760.326.607	20.735.314.802
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	106.945.726	20.177.046
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập chịu thuế	<u>23.867.272.333</u>	<u>20.755.491.848</u>
Thu nhập được miễn thuế	(1.555.732.712)	(798.471.048)
Lỗi các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	<u>22.311.539.621</u>	<u>19.957.020.800</u>
Trong đó:		
- Hoạt động khai thác cảng được ưu đãi	12.154.335.304	11.591.777.021
- Hoạt động khai thác cảng không được ưu đãi	6.978.067.571	9.011.671.067
- Hoạt động khai thác tàu	3.179.136.746	-646.427.288
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>4.462.305.921</b>	<b>3.991.404.160</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</b>	<b>(1.215.433.530)</b>	<b>(1.159.177.702)</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</b>	<b>(607.716.765)</b>	<b>(579.588.851)</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>2.639.155.626</b>	<b>2.252.637.607</b>
Thuế TNDN các bên hợp tác kinh doanh nộp hộ	262.590.844	129.285.457
Thuế TNDN nộp hộ các bên hợp tác kinh doanh	98.034.904	
<b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>2.999.781.374</b>	<b>2.381.923.064</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### **Tiền thuê đất**

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

#### **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

### 15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	-	-
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>1.207.347.881</b>	<b>848.054.540</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Chi phí lãi vay phải trả	1.117.263.994	848.054.540
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	90.083.887	
<b>Cộng</b>	<b>1.207.347.881</b>	<b>848.054.540</b>

#### 16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

#### 17. Phải trả khác

##### 17a. Phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải trả các bên liên quan</i></b>	<b>637.698.279</b>	<b>245.558.676</b>
Công ty Cổ phần Transimex - lãi hợp tác kinh doanh BCC	100.276.373	100.276.373
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức - lãi hợp tác kinh doanh BCC	187.224.315	75.220.439
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An - lãi hợp tác kinh doanh BCC	44.163.714	44.163.714
Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs - lãi hợp tác kinh doanh BCC	25.898.150	25.898.150
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An- lãi hợp tác kinh doanh BCC	112.003.876	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà -lãi hợp tác kinh doanh BCC	112.003.876	
Công ty cổ phần giao nhận vận tải Hải An -lãi hợp tác kinh doanh BCC	56.127.975	
<b><i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i></b>	<b>32.479.225.102</b>	<b>26.756.539.460</b>
Công ty Cổ phần MHC - lãi hợp tác kinh doanh BCC	30.477.701	30.477.701
Các khoản thu hộ SM Line Corporation	31.251.831.364	25.575.794.806
Kinh phí công đoàn	103.386.667	103.881.098
BHXH, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp		39.936.520
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	418.950.000	418.950.000
Thuế vãng lai phải nộp	285.642.548	317.832.237
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	388.936.822	269.667.098
<b>Cộng</b>	<b>33.116.923.381</b>	<b>27.002.098.136</b>

##### 17b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải trả các bên liên quan - về góp vốn BCC (*)</i></b>	<b>35.000.000.000</b>	
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	10.000.000.000	
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	5.000.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000.000.000	
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức	10.000.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>35.000.000.000</b>	

(\*) Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 66/HĐHTKD về hợp tác góp vốn đầu tư, kinh doanh và khai thác đội tàu Container thì Công ty là “Bên kiểm soát”. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu cho hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành.

Tỷ lệ góp vốn của các bên theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>	<u>Tỷ Lệ %</u>
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	40.000.000.000	53,33%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	10.000.000.000	13,33%
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	5.000.000.000	6,68%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000.000.000	13,33%
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức	10.000.000.000	13,33%
<b>Cộng</b>	<b>75.000.000.000</b>	<b>100%</b>

### 18. Vay ngắn hạn/dài hạn

#### 18a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>6.425.246.808</i>	<i>5.049.365.476</i>
Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 1 (i)	6.425.246.808	5.049.365.476
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>40.122.973.089</i>	<i>29.526.370.010</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng	36.076.612.709	25.489.271.390
Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 1	4.046.360.380	4.037.098.620
<b>Cộng</b>	<b>46.548.219.897</b>	<b>34.575.735.486</b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở giao dịch 1 để thanh toán tiền mua dầu và công nợ với thời hạn vay 3 tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Vay ngắn hạn ngân hàng</u>	<u>Vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	5.049.365.476	29.526.370.010	34.575.735.486
Số tiền vay phát sinh trong năm	20.939.087.321		20.939.087.321
Số kết chuyển từ vay và nợ dài hạn		33.174.237.019	33.174.237.019
Số tiền vay đã trả trong năm	(19.563.205.989)	(22.577.633.940)	(42.140.839.929)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>6.425.246.808</b>	<b>40.122.973.089</b>	<b>46.548.219.897</b>

#### 18b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>124.504.121.419</i>	<i>97.115.754.668</i>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (i)	121.001.496.048	90.584.153.740
Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch 1 (ii)	3.502.625.371	6.531.600.928
<b>Cộng</b>	<b>124.504.121.419</b>	<b>97.115.754.668</b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng tín dụng số 2016/DA/HĐTD/VCB-HA ngày 06 tháng 9 năm 2016 để đầu tư hệ thống 10 xe chở Container, thời hạn cho vay là 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, không ân hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư.
  - Hợp đồng tín dụng số 01/2018/VCB-HAIAN ngày 15/10/2018, mục đích vay tài trợ cho việc thực hiện Dự án đầu tư tàu container Sinar Brani, thời hạn cho vay là 60 tháng (5 năm) kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay đầu tiên nhưng không quá 3 tháng kể từ ngày có nguồn thu từ việc vận hành/thuê tàu, thời hạn trả nợ là 19 kỳ (mỗi kỳ 3 tháng), kỳ trả nợ gốc đầu tiên sau khi hết thời gian ân hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng tàu Hải An Link.
  - Hợp đồng tín dụng trung dài hạn 01.2019/HĐCV/VCB-HAIAN ngày 29/05/2019 để đầu tư dự án tàu container VNL Ruby; thời hạn vay là 60 tháng, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay đầu tiên nhưng không quá 3 tháng kể từ ngày có nguồn thu từ việc vận hành/thuê tàu, kỳ trả nợ gốc đầu tiên sau khi hết thời gian ân hạn, lãi vay trả 3 tháng/ lần. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản thế chấp gồm: 02 xe nâng nhãn hiệu PPM Terex, cần trục chân đế Kirow Ardelt GMBH, 5 đầu kéo và 5 sowni romooc, tàu Hải An Link và tàu VNL Ruby.
- (ii) Vay ngân hàng TMCP Quân Đội - Sở giao dịch 1 theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng cấp tín dụng số 66755.15.002.2486868.TD ngày 25 tháng 10 năm 2015 để thanh toán LC nhập khẩu 2 máy nâng container trục xoay. Khoản vay được bảo đảm bằng máy móc thiết bị hình thành sau đầu tư.
  - Hợp đồng cấp tín dụng số 88928.16.002.2486868.TD ngày 07 tháng 12 năm 2015 để bổ sung nhu cầu vốn trung hạn để nhập container với lãi suất được quy định tại văn bản nhận nợ, thời hạn vay tối đa 60 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng các tài sản là 400 container các loại của Công ty

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	40.122.973.089	29.526.370.010
Trên 1 năm đến 5 năm	124.504.121.419	97.115.754.668
<b>Cộng</b>	<b>164.627.094.508</b>	<b>126.642.124.678</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số đầu năm	97.115.754.668	19.678.009.170
Số tiền vay phát sinh	60.500.000.000	107.036.825.000
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(33.174.237.019)	(29.526.370.010)
CLTG do đánh giá lại số dư khoản vay có gốc ngoại tệ	62.603.770	(72.709.492)

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

cuối kỳ		
Số cuối kỳ	<u>124.504.121.419</u>	<u>97.115.754.668</u>

### 19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	14.463.218.213	5.467.000.000	(4.631.743.000)	15.298.475.213
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	4.631.444.434	4.101.000.000	(4.138.000.000)	4.594.444.434
<b>Cộng</b>	<b>19.094.662.647</b>	<b>9.568.000.000</b>	<b>(8.769.743.000)</b>	<b>19.892.919.647</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****20. Vốn chủ sở hữu****20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>
Số đầu năm trước	345.078.180.000	58.738.380.922	(14.920.919.678)	152.064.070.809	104.039.856.648
Trả cổ tức bằng cổ phiếu (i)			-	-	-
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	142.749.330.000	56.868.232.000	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	103.729.360.844
Trích lập các quỹ	-	-	-	27.500.000.000	(37.150.000.000)
Trả cổ tức năm 2017	-	-	-	-	(33.934.765.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>487.827.510.000</b>	<b>115.606.612.922</b>	<b>(14.920.919.678)</b>	<b>179.564.070.809</b>	<b>136.684.452.492</b>
Số dư đầu năm nay	487.827.510.000	115.606.612.922	(14.920.919.678)	179.564.070.809	136.684.452.492
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	88.465.868.037
Trích lập các quỹ	-	-	-	27.337.000.000	(36.905.000.000)
Trả cổ tức năm 2018	-	-	-	-	(72.314.547.000)
<b>Số dư cuối kỳ năm nay</b>	<b>487.827.510.000</b>	<b>115.606.612.922</b>	<b>(14.920.919.678)</b>	<b>206.901.070.809</b>	<b>115.930.773.529</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 20b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	48.782.751	48.782.751
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	48.782.751	48.782.751
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	48.782.751	48.782.751
Số lượng cổ phiếu được mua lại	573.053	573.053
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	573.053	573.053
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	48.209.698	48.209.698
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	48.209.698	48.209.698

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

#### 20c. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 số 0204-2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 4 năm 2019 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 72.314.547.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 27.337.000.000
• Trích quỹ Ban điều hành	: 4.101.000.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 5.467.000.000

#### 21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

##### *Ngoại tệ các loại*

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	1.076.264,34	642.545,22
Euro (EUR)	40,54	40,54



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	<u>Quý 3 năm nay</u>	<u>Quý 3 năm trước</u>
Doanh thu hoạt động khai thác cảng	58.218.967.181	63.524.642.249
Doanh thu hoạt động khai thác tàu	61.808.641.390	21.598.507.463
Trong đó:		
<i>Doanh thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh số 48/HĐHTKD</i>	<i>27.008.604.016</i>	<i>21.598.507.463</i>
<i>Doanh thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh số 66/HĐHTKD</i>	<i>20.306.099.610</i>	
<i>Doanh thu khai thác tàu Hải An Link</i>	<i>14.493.937.764</i>	
Doanh thu hoạt động khác	19.740.395.234	21.746.454.174
<b>Cộng</b>	<b><u>139.768.003.805</u></b>	<b><u>106.869.603.886</u></b>

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch cung cấp dịch vụ cho các công ty con, công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty còn phát sinh các giao dịch về cung cấp dịch vụ khai thác tàu, khai thác cảng và cho thuê tài sản cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên kết như sau:

	<u>Quý 3 năm nay</u>	<u>Quý 3 năm trước</u>
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An (HAAL)	775.647.091	38.618.182
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Hải An (HAGS)		239.558.972
Công ty cổ phần giao nhận vận tải Hải An	260.440.946	49.654.545
Công ty TNHH cảng Hải An (Doanh thu thu hộ)	52.991.396.837	51.324.382.571
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	26.384.000	1.163.000
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	581.623.900	577.628.428
Chi nhánh Công ty TNHH vận tải và đại lý vận tải đa phương thức tại TP. Hồ Chí Minh	4.600.000	

### 2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý 3 năm nay</u>	<u>Quý 3 năm trước</u>
Giá vốn của hoạt động cảng	41.977.808.777	46.061.278.869
Giá vốn của hoạt động tàu	54.955.878.920	21.682.498.311
Trong đó:		
<i>Giá vốn hợp đồng hợp tác kinh doanh số 48/HĐHTKD</i>	<i>28.121.179.263</i>	<i>21.682.498.311</i>
<i>Giá vốn hợp đồng hợp tác kinh doanh số 66/HĐHTKD</i>	<i>16.320.309.789</i>	
<i>Giá vốn khai thác tàu Hải An Link</i>	<i>10.514.389.868</i>	
Giá vốn dịch vụ khác	14.263.011.732	15.570.588.884
<b>Cộng</b>	<b><u>111.196.699.429</u></b>	<b><u>83.314.366.064</u></b>

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý 3 năm nay</u>	<u>Quý 3 năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.384.964.463	3.077.633.581

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.555.732.712	798.471.548
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	262.452.842	115.986.181
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(376.160)	1.709.291
<b>Cộng</b>	<b>3.202.773.857</b>	<b>3.993.800.601</b>
<b>4. Chi phí tài chính</b>		
	<b>Quý 3 năm nay</b>	<b>Quý 3 năm trước</b>
Chi phí lãi vay	2.366.153.899	752.502.850
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	1.208.403.122	
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	(12.801.975)	251.300.027
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(353.092.763)	208.423.087
<b>Cộng</b>	<b>3.208.662.283</b>	<b>1.212.225.964</b>
<b>5. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
	<b>Quý 3 năm nay</b>	<b>Quý 3 năm trước</b>
Chi phí cho nhân viên	2.608.872.087	2.683.552.971
Chi phí vật liệu quản lý	121.538.313	147.361.153
Chi phí đồ dùng văn phòng	31.372.727	
Chi phí khấu hao tài sản cố định	410.343.626	501.832.685
Thuế, phí và lệ phí	20.857.000	29.210.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	754.443.765	891.668.252
Các chi phí khác	1.431.443.982	1.381.488.004
<b>Cộng</b>	<b>5.378.871.500</b>	<b>5.635.113.065</b>
<b>6. Thu nhập khác</b>		
	<b>Quý 3 năm nay</b>	<b>Quý 3 năm trước</b>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định của BCC	631.818.182	
Thu nhập khác	5.712.467	59.629.976
<b>Cộng</b>	<b>637.530.649</b>	<b>59.629.976</b>
<b>7. Chi phí khác</b>		
	<b>Quý 3 năm nay</b>	<b>Quý 3 năm trước</b>
Thuế bị phạt, bị truy thu	1.953.843	20.184.396
Chi phí khác	61.794.649	5.830.172
<b>Cộng</b>	<b>63.748.492</b>	<b>26.014.568</b>
<b>8. Lãi trên cổ phiếu</b>		
Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất		

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

##### 1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	2.026.996.158	2.830.438.465
Phụ cấp	198.000.000	324.000.000
Tiền thưởng	2.449.314.664	1.725.778.622
<b>Cộng</b>	<b>4.674.310.822</b>	<b>4.880.217.087</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<b>Bên liên quan khác</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty TNHH Cảng Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Pan Hải An	Công ty con
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	Công ty liên kết của Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	Công ty liên kết của Công ty con đến ngày 08 tháng 01 năm 2019
Công ty Cổ phần Transimex	Cổ đông lớn cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	Cổ đông lớn cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	Cổ đông lớn cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Hải Minh	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Hàng Hải Nam Dương	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH "K" Line Logistic (Việt Nam) Ltd.	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư Vina	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư Toàn Việt	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Vinafreight	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ An Phúc Thịnh	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty liên doanh Vận tải Công nghệ cao (Transvina)	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH MTV Gelex Logistics	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Kho vận miền Nam	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Tổng Công ty Cổ phần Đường sông miền Nam	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty liên doanh phát triển tiếp vận số 1	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Cảng miền Nam	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Cánh đồng Xanh	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đại lý Cánh đồng Xanh	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con, công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c cũng như các giao dịch cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con, công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An (HAAL)</b>		
<b>Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An (HAGS)</b>		
Mua hộ phần mềm cho HAGS		
Phải trả HAGS về cung cấp dịch vụ khai thác cảng	3.599.732.674	6.526.386.745
<b>Công ty Cổ phần Transimex</b>		
Trà cổ tức	683.257.500	4.414.385.000
Sử dụng dịch vụ khai thác tàu		

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Sử dụng dịch vụ khác

#### *Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà*

Trả cổ tức	8.351.250.000	3.045.000.000
Chi phí thuê văn phòng, dịch vụ khác	1.933.432.080	1.794.404.489

#### *Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức*

Trả cổ tức	2.583.090.000	300.330.000
Phải thu về dịch vụ khai thác cảng	95.270.688	

#### *Công Ty Cổ Phần Cánh Đồng Xanh*

Trả cổ tức	3.000.000.000	
------------	---------------	--

#### *Công ty cổ phần Đại lý Cánh Đồng Xanh*

Trả cổ tức	1.500.000.000	
------------	---------------	--

#### *Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng*

Sử dụng dịch vụ khai thác tàu

#### *Công ty liên doanh phát triển tiếp vận số 1 ( Cảng VICT )*

Phải trả VICT về cung cấp dịch vụ cho khai thác tàu	2.278.646.732	
---	---------------	--

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.12 và V.17.

## 2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

### 2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: Hoạt động khai thác cảng.
- Lĩnh vực 02: Hoạt động khai thác tàu.
- Lĩnh vực 03: Hoạt động khác (gồm: vận tải đường bộ, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản...)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Hoạt động khai thác cảng</u>	<u>Hoạt động khai thác tàu</u>	<u>Các lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
<b>Lũy kế đến cuối kỳ năm nay</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	174.393.088.620	164.584.186.298	61.107.861.760	400.085.136.678
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>174.393.088.620</b>	<b>164.584.186.298</b>	<b>61.107.861.760</b>	<b>400.085.136.678</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Kết quả kinh doanh theo bộ phận	52.093.139.114	27.461.408.583	18.050.243.286	97.604.790.983
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(16.339.984.245)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				81.264.806.738
Doanh thu hoạt động tài chính				25.610.103.420
Chi phí tài chính				(9.971.898.184)
Thu nhập khác				1.781.729.914
Chi phí khác				(68.554.030)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(10.150.319.821)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>88.465.868.037</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>131.590.182</b>	<b>134.050.049.182</b>	<b>46.363.636</b>	<b>134.228.003.000</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>32.005.575.233</b>	<b>20.389.079.915</b>	<b>3.155.709.096</b>	<b>55.550.364.244</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>				
<b>Lũy kế đến cuối kỳ năm trước</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	193.908.234.302	86.732.550.830	60.924.321.936	341.565.107.068
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>193.908.234.302</b>	<b>86.732.550.830</b>	<b>60.924.321.936</b>	<b>341.565.107.068</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	57.555.080.360	6.612.226.355	18.833.454.222	83.000.760.937
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(16.783.817.276)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				66.216.943.661
Doanh thu hoạt động tài chính				11.570.514.926
Chi phí tài chính				(4.841.004.549)
Thu nhập khác				16.614.654.154

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Chi phí khác				(192.068.300)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(10.777.843.498)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>78.591.196.394</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>8.844.414.791</b>			<b>8.844.414.791</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>33.796.899.613</b>	<b>6.568.468.326</b>	<b>3.550.636.812</b>	<b>43.916.004.751</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>				

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<b>Hoạt động khai thác cảng</b>	<b>Hoạt động khai thác tàu</b>	<b>Các lĩnh vực khác</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối kỳ</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	199.839.950.094	391.576.999.113	53.396.211.955	644.813.161.162
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				554.689.876.921
<b>Tổng tài sản</b>				<b>1.199.503.038.083</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	15.803.201.844	197.123.604.363	43.840.564.858	256.767.371.065
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				31.390.619.436
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>288.157.990.501</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	523.876.093.037	272.602.900.115	48.967.401.158	845.446.394.310
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				262.611.548.974

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

<b>Tổng tài sản</b>				<b><u>1.108.057.943.284</u></b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	24.075.453.939	108.224.961.220	13.769.122.237	146.069.537.396
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				57.226.679.343
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b><u>203.296.216.739</u></b>

### 2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty chủ yếu chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

### 3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 29 tháng 10 năm 2019

Người lập biểu



**Trần Thị Thanh Hào**

Phụ trách kế toán



**Trần Thị Thanh Hào**

Tổng Giám đốc



**Vũ Thanh Hải**